TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2023.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu
Bà Nguyễn Thị Thu Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1313/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà** Trần Thị X**,** sinh năm 1990

HKTT: Xóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Ông** Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987

HKTT: khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trú tại: Số A, tổ D, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn – bà* Trần Thị X, *trình bày:*

B và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã P, tỉnh B Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận ngày 14/7/2015.

Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thống nhất được quan điểm sống, đời sống chung luôn ngột ngạt. Tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã diễn ra từ cuối năm 2022, cả hai đã cùng cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/11/2015. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng, cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Tại biên bản lấy khai của đương sự, bị đơn – ông* Nguyễn Xuân T*, trình bày:*

Ông và bà Trần Thị X tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận ngày 14/7/2015.

Quá trình chung sống, ông và bà X thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông và bà X bất đồng về quan điểm sống, bỏ bê chồng con, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay bà X khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, thực tâm thì ông vẫn muốn thuyết phục bà X hàn gắn, đoàn tụ để lo cho con cái.

Về con chung: Ông và bà X có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/11/2015. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị X và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống, giữa ông bà đã phát sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/11/2015 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Bà X phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn – bà Trần Thị X và bị đơn – ông Nguyễn Xuân T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về yêu cầu khởi kiện:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị X và ông Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 14/7/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông T đều thống nhất: Quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không chăm lo cho gia đình, đã sống ly thân từ đầu tháng 01/2023 cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà X và ông T bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Bà X yêu cầu được ly hôn với ông T và ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án nào để hòa giải mâu thuẫn, cải thiện tình trạng hôn nhân. Đồng thời, ông T và bà X đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không

có sự hợp tác của hai bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà X được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà X và ông T có 01 con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/11/2015. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng. Bà X đồng ý với các yêu cầu này của ông T, đồng thời việc giao con cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P (BL 30) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà X và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 147, 220, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 110, 116 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X.

1. Bà Trần Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/11/2015 cho ông Nguyễn Xuân T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Trần Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng), kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà Trần Thị X.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị X phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002214 ngày 23/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Trần Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND p.Hắc Dịch, tx. Phú Mỹ, t.BR-VT;
(GCNKH số 85 ngày 14/7/2015)
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung